

TCT CNMỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Số: 0164/TB-KHVT

V/v mời tham gia chào hàng cung cấp
vật liệu chịu lửa và dịch vụ xây gạch
chịu lửa phục vụ sản xuất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

La Hiên, ngày 01 tháng 3 năm 2016

**Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật liệu chịu lửa và dịch vụ xây gạch chịu lửa
phục vụ sản xuất xi măng**

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.
- Căn cứ vào quyết định số: 075/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2015 về việc ban hành quy chế quản lý mua sắm, sử dụng vật tư của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.
- Căn cứ vào công văn số: 0669/CMV-TT VT ngày 30/12/2015 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc hướng dẫn thực hiện mua sắm vật tư.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có địa chỉ tại: Xóm cây Bòng xã La Hiên huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên; Điện thoại/fax/email: 0280 3829 154, 0280 3829 280; Fax: 0280 3829 056. Triển khai lựa chọn nhà thầu cung cấp vật liệu chịu lửa và dịch vụ xây gạch chịu lửa trong lò quay, tháp trao đổi nhiệt phục vụ sản xuất năm 2016 tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM với các yêu cầu và hướng dẫn cụ thể như sau:

I. Điều kiện tham gia chào hàng:

- Là tổ chức, cá nhân có tư cách hợp lệ theo quy định của pháp luật. Hạch toán kinh tế độc lập, có năng lực về tài chính phù hợp để thực hiện gói thầu.
- Bản sao công chứng giấy đăng ký kinh doanh có ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với gói thầu.
- Bản giới thiệu về tổ chức, cơ sở vật chất, năng lực cán bộ, thiết bị vận tải phù hợp với gói thầu.

II. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa:

1. Tên gói thầu:

- Gói thầu số 1: Cung cấp vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất xi măng - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.
- Gói thầu số 2: Cung cấp dịch xây gạch chịu lửa trong lò quay, tháp trao đổi nhiệt - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

2. Phạm vi cung cấp: Tên chủng loại hàng hóa và dịch vụ xây gạch chịu lửa theo Phụ lục I kèm theo

Nhà thầu có quyền chào hàng các gói thầu nêu trên hoặc chỉ thực hiện chào hàng một gói thầu là thế mạnh mà nhà cung cấp có khả năng thực hiện đáp ứng các yêu cầu (không bắt buộc chào hết các gói thầu). Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có quyền lựa chọn mua số lượng ít hơn hoặc tất cả số lượng nguyên liệu thuộc gói mua sắm và có quyền lựa chọn nhiều hơn một nhà cung cấp để thực hiện đơn hàng này.

3. Yêu cầu về kỹ thuật:

Vật liệu chịu lửa và dịch vụ xây lò do các nhà cung cấp chào phải đáp ứng yêu cầu về quy cách, thông số kỹ thuật tại Phụ lục I kèm theo

4. Yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ:

- Hàng hóa cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Trong biểu chào giá nhà thầu phải điền rõ nguồn gốc xuất xứ vào cột của biểu mẫu số 2 Phụ lục II, đồng thời ghi rõ hàng hóa có chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa khi giao hàng (CO, CQ đối với hàng nhập khẩu; Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam).

- Các giấy tờ CO, CQ hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng yêu cầu bằng ngôn ngữ nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt. Nếu là bản sao thì phải được công chứng của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thời gian, tiến độ cung cấp: Năm 2016

6. Địa điểm giao nhận: Tại khu vực lò quay và tháp trao đổi nhiệt Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tại xã La Hiên huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên.

III. Các yêu cầu về hồ sơ chào hàng và các chỉ dẫn nộp hồ sơ chào hàng:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào hàng:

Nhà cung cấp tham gia chào hàng phải chuẩn bị 03 bộ hồ sơ chào hàng (01 bộ gốc và 02 bộ sao) bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn chào giá (Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu số 1 Phụ lục II kèm theo.
- b) Biểu chào giá (Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu số 2, Biểu mẫu số 3 Phụ lục II kèm theo.
- c) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao công chứng)

- Các đơn vị là đại lý, nhà phân phối: Cung cấp Giấy chứng nhận là đại lý ủy quyền hoặc nhà phân phối chính thức của hãng sản xuất hàng hóa, vật tư mà mình cung cấp.

- Các đơn vị thương mại yêu cầu kèm theo giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối, ủy quyền.

- d) Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa:

- Đối với hàng hóa nêu tại Phụ lục I kèm theo, để chứng minh tính hợp lệ nhà cung cấp cần phải kèm theo Giấy chứng nhận là đại lý phân phối hoặc giấy phép/ giấy ủy quyền bán hàng hoặc giấy tờ có tính pháp lý tương đương của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI sẽ loại bỏ, không xem xét đối với hàng hóa mà nhà cung cấp không kèm theo tài liệu chứng minh tính hợp lệ như yêu cầu nêu trên.

2. Chỉ dẫn chuẩn bị, nộp, đóng/mở hồ sơ chào hàng:

- a) Thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ chào hàng:

- Thời gian chuẩn bị hồ sơ chào hàng: Từ 8 giờ 30 phút ngày 04 tháng 3 năm 2016 đến trước 9 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 3 năm 2016.

- Các tài liệu của hồ sơ chào hàng nêu ở khoản 1 Mục III ở trên phải đựng trong túi có niêm phong được giáp lai theo dấu của nhà thầu và được gửi đến Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đến trước thời điểm nộp hồ sơ chào hàng. Trên túi đựng hồ sơ chào hàng nhà thầu cần phải ghi rõ các thông tin như sau:

+ Tên, địa chỉ của nhà cung cấp:

+ Địa chỉ nộp, tiếp nhận hồ sơ chào hàng:

- Phòng kế hoạch vật tư - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.
- Địa chỉ: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại: 02803829280; 02803829154; Fax: 02803829056

+ Tên gói thầu: Cung cấp vật liệu chịu lửa và dịch vụ xây gạch chịu lửa trong lò quay, tháp trao đổi nhiệt phục vụ sản xuất năm 2016-Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

+ Không được mở trước 9 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 3 năm 2016.

b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ chào hàng:

Trước 9 giờ 00 phút ngày 10 tháng 3 năm 2016. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI từ chối nhận hồ sơ chào hàng của các nhà thầu nộp sau thời điểm 9 giờ 00 phút ngày 10 tháng 3 năm 2016.

c) Thời hạn, hiệu lực của hồ sơ chào hàng: **60 ngày** kể từ thời điểm nộp hồ sơ chào hàng.

d) Thời gian và địa điểm mở hồ sơ chào hàng:

Vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 10 tháng 3 năm 2016 tại tầng 2 nhà văn phòng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính mời các nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực tham gia chào hàng các gói thầu: Cung cấp vật liệu chịu lửa và dịch vụ xây gạch chịu lửa trong lò quay, tháp trao đổi nhiệt phục vụ sản xuất năm 2016 - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI như các nội dung đã nêu trên.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Tạp chí Than-Khoáng sản VN
- Phòng KH-VT (3)
- Website: ximanglahien.com.vn
- Lưu VP C.ty

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Văn Dũng

Phụ lục I:

CHI TIẾT THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA CUNG CẤP

(Kèm theo thông báo số 0164/TB-KHVT ngày 01 tháng 3 năm 2016)

Stt	Tên, chủng loại hàng hóa	Đvt	Yêu cầu về hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Thời gian, tiến độ cung cấp	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Vật liệu chịu lửa					
1	Gạch chịu lửa VIMAG S80	Tấn	41,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,85$. - Độ xốp biểu kiến (%): ≤ 19. - Cường độ nén nguội (N/mm^2): ≥ 50. - Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 2 kg/cm^2 ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.700. - Độ bền sốc nhiệt (1000°C/không khí) (lần): ≥ 30. - Hàm lượng MgO (%): 79-84. - Hàm lượng SiO_2 (%): ≤ 1. - Hàm lượng Fe_2O_3 (%): $\leq 0,7$. - Hàm lượng Al_2O_3 (%): 13-17. - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$.	2016	
2	Gạch chịu lửa VIMAG S80S	Tấn	205,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,85$. - Độ xốp biểu kiến (%): ≤ 19. - Cường độ nén nguội (N/mm^2): ≥ 50. - Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 2 kg/cm^2 ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.700. - Độ bền sốc nhiệt (1000°C/không khí) (lần): ≥ 30. - Hàm lượng MgO (%): 82-87. - Hàm lượng SiO_2 (%): $\leq 1,3$. - Hàm lượng Fe_2O_3 (%): $\leq 0,9$. - Hàm lượng Al_2O_3 (%): 10-14. - Hàm lượng CaO (%): $\leq 1,8$.	2016	
3	Gạch chịu lửa cao nhôm cacbua silic chống mài mòn (AZM-60)	Tấn	12,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,5$. - Độ xốp biểu kiến (%): ≤ 18. - Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 2 kg/cm^2 ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.790. - Cường độ chịu nén (Mpa): ≥ 100. - Nhiệt độ biến mềm tải trọng khi có ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.640. - Hàm lượng SiO_2 (%): ≤ 35. - Hàm lượng Al_2O_3 (%): ≥ 63.	2016	
4	Gạch chịu lửa cao nhôm chống bong tróc (YRS70)	Tấn	25,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,5$. - Độ xốp biểu kiến (%): ≤ 21. - Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 2 kg/cm^2 ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.790. - Cường độ chịu nén (Mpa): ≥ 65. - Nhiệt độ biến mềm tải trọng khi có ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.480. - Hàm lượng SiO_2 (%): ≤ 21. - Hàm lượng Al_2O_3 (%): ≥ 70.	2016	

1	2	3	4	5	6	7
5	Gạch chịu lửa cao nhôm $\geq 55\%$	Tấn	53,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,2$. - Độ xốp biểu kiến (%): ≤ 20. - Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 2 kg/cm^2, T kết thúc ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.580 - Cường độ nén nguội (N/mm^2): ≥ 45. - Độ bền sốc nhiệt 1000°C - không khí và chịu tải trọng ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 28 - Hàm lượng Fe_2O_3 (%): $\leq 1,5$. - Hàm lượng Al_2O_3 (%): ≥ 55	2016	
6	Gạch chịu lửa cao nhôm 65%	Tấn	23,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,3$. - Độ xốp biểu kiến (%): ≤ 19. - Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 2 kg/cm^2, T kết thúc ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.630 - Cường độ nén nguội (N/mm^2): ≥ 50. - Độ bền sốc nhiệt 1000°C - không khí và chịu tải trọng ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 30 - Hàm lượng Fe_2O_3 (%): $\leq 1,5$. - Hàm lượng Al_2O_3 (%): ≥ 65	2016	
7	Bê tông chịu nhiệt	Tấn	25,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,4$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm^2): ≥ 70 + Sau nung (N/mm^2): ≥ 93 - Độ chịu lửa ($^{\circ}\text{C}$): ≥ 1.690 - Hàm lượng Al_2O_3 (%): ≥ 60	2016	
8	Bê tông chịu lửa SiC 6015	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,75$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm^2): ≥ 70 + Sau nung (N/mm^2): ≥ 100 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al_2O_3 (%): 70-80 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Hàm lượng SiC (%): ≥ 15 - Độ giãn nở nhiệt (%): $\leq 0,6$ - Lượng nước trộn ($\text{lit}/100\text{kg}$): 5-6	2016	
9	Bê tông chịu lửa SiC 6030	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,65$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm^2): ≥ 70 + Sau nung (N/mm^2): ≥ 100 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al_2O_3 (%): 55-65 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Hàm lượng SiC (%): ≥ 30 - Độ giãn nở nhiệt (%): $\leq 0,50$ - Lượng nước trộn ($\text{lit}/100\text{kg}$): 5-6	2016	
10	Bê tông chịu lửa SiC 5015	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm^3): $\geq 2,5$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm^2): ≥ 90 + Sau nung (N/mm^2): ≥ 100 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al_2O_3 (%): 60-70 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Hàm lượng SiC (%): ≥ 15 - Độ giãn nở nhiệt (%): $\leq 0,60$ - Lượng nước trộn ($\text{lit}/100\text{kg}$): 5,5-6,5	2016	

1	2	3	4	5	6	7
11	Bê tông chịu lửa SiC 5030	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm³): $\geq 2,5$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm²): ≥ 90 + Sau nung (N/mm²): ≥ 100 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al₂O₃ (%): 45-55 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Hàm lượng SiC (%): ≥ 30 - Độ giãn nở nhiệt (%): $\leq 0,50$ - Lượng nước trộn (lit/100kg): 5,5-6,5	2016	
12	Bê tông chịu lửa 80 LC	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm³): $\geq 2,8$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm²): ≥ 90 + Sau nung (N/mm²): ≥ 120 - Độ co nung (%): $\leq 1,0$ - Hàm lượng Al₂O₃ (%): ≥ 80 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Độ giãn nở nhiệt (%): 0,80 - Lượng nước trộn (lit/100kg): 5,0-6,0	2016	
13	Bê tông chịu lửa 90 LC	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm³): $\geq 3,0$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm²): ≥ 90 + Sau nung (N/mm²): ≥ 120 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al₂O₃ (%): ≥ 90 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Độ giãn nở nhiệt (%): 0,85 - Lượng nước trộn (lit/100kg): 4,5-5,5	2016	
14	Bê tông chịu lửa SiC30B	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm³): $\geq 2,5$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm²): ≥ 70 + Sau nung (N/mm²): ≥ 100 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al₂O₃ (%): 45-55 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Hàm lượng SiC (%): ≥ 30 - Độ giãn nở nhiệt (%): 0,50 - Lượng nước trộn (lit/100kg): 6,5-7,5	2016	
15	Bê tông chịu lửa SiC30N/1	Tấn	6,0	- Khối lượng thể tích (g/cm³): $\geq 2,65$. - Độ bền nén: + Sau sấy (N/mm²): ≥ 90 + Sau nung (N/mm²): ≥ 100 - Độ co nung (%): $\leq 0,5$ - Hàm lượng Al₂O₃ (%): 55-65 - Hàm lượng CaO (%): $\leq 2,0$ - Hàm lượng SiC (%): ≥ 30 - Độ giãn nở nhiệt (%): $\leq 0,50$ - Lượng nước trộn (lit/100kg): 5,0-6,0	2016	
II	Dịch vụ xây gạch chịu lửa trong lò quay, tháp trao đổi nhiệt					
1	Xây gạch chịu lửa trong lò quay	Tấn	1,0	- Đáy viên gạch phải áp sát vỏ lò, bề mặt gạch không được răng cưa.	2016	

2	Xây gạch chịu lửa trong tháp trao đổi nhiệt	Tấn	1,0	- Viên gạch phải hướng tâm (trục viên gạch phải làm trên đường kính lò, tháp trao đổi nhiệt) - Vòng gạch phải thẳng không được xĩa nhau. - Các viên gạch phải được áp sát nhau. - Các nội dung yêu cầu kỹ thuật khác theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	2016	
---	---	-----	-----	--	------	--

Phụ lục II:

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO HÀNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: **Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI**

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào hàng và các văn bản sửa đổi thư mời chào hàng số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu (1): _____ theo đúng yêu cầu của Thư mời chào hàng với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá và các tài liệu kèm theo.

Nếu hồ sơ chào hàng của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào hàng này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào hàng].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà thầu thực hiện tên gói thầu (1) nào thì ghi gói thầu tương ứng với tên gói thầu tại khoản 1 mục II của thư mời chào hàng. Nếu thực hiện tất cả các công việc thì ghi tổng hợp các gói thầu tương ứng.

BIỂU GIÁ CHÀO CUNG CẤP VẬT LIỆU CHỊU LỬA

TT	Chủng loại hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác, quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7)x(9)
1.									
2.									
3.									
Tổng cộng giá chào trước thuế									
Thuế GTGT									
Tổng cộng giá chào sau thuế									
(Bằng chữ:.....)									

Ghi chú:

- Đơn giá chào (cột 9) là đơn giá tổng hợp, phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá CIF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho bãi, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BIỂU GIÁ CHÀO CUNG CẤP DỊCH VỤ XÂY GẠCH CHỊU LỬA

TT	Nội dung công việc	Yêu cầu kỹ thuật	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)
1.							
2.							
3.							
Tổng cộng giá chào trước thuế							
Thuế GTGT							
Tổng cộng giá chào sau thuế							
(Bằng chữ:.....)							

Ghi chú:

- Đơn giá chào (cột 7) là đơn giá tổng hợp phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết cho công việc xây gạch chịu lửa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]